

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐOÀN HIỆP

PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU
TẠI TỈNH GIA LAI

Chuyên ngành: Kinh tế Phát triển
Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. BÙI QUANG BÌNH

Phản biện 1: TS. Ninh Thị Thu Thủy

Phản biện 2: PGS. TS. Đỗ Văn Viện

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 02 tháng 03 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cây Cao su được du nhập vào nước ta năm 1897, trải qua hơn 100 năm cây cao su ở Việt Nam đã trở thành cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao, khả năng thích ứng rộng, tính chống chịu với điều kiện bất lợi cao và là cây bảo vệ môi trường nên cây cao su được nhiều nước có điều kiện KT-XH thích hợp quan tâm phát triển với quy mô diện tích lớn.

Gia Lai là một tỉnh miền núi có nhiều tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu; nhân dân các dân tộc đoàn kết, cần cù, thông minh, sáng tạo trong công tác và sản xuất. Sau gần 20 năm đổi mới, cùng với sự phát triển của cả nước, thế và lực của tỉnh đã lớn mạnh hơn; chính trị - xã hội được ổn định; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện. Tuy vậy, tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt tốc độ khá nhưng chất lượng chưa cao, chưa vững chắc; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhưng tốc độ chuyển dịch chưa cao; chuyển dịch cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp còn chậm, tốc độ tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng; ở vùng sâu, vùng xa phong tục sản xuất thuần nông du canh du cư vẫn chưa được xóa bỏ do đó kết quả xóa đói giảm nghèo mặc dù có nhiều tiến bộ, song chưa thật vững chắc; đời sống của một bộ phận đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng cao biên giới còn gặp nhiều khó khăn; giải quyết việc làm đối với người lao động ở nông thôn còn là vấn đề bức xúc. Hiện nay, tỉnh đang chủ trương phát triển cây cao su để góp phần xóa đói, giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc Gia Lai. Xuất phát từ tình hình thực tế đó, tôi quyết định chọn đề tài: “Phát triển cây cao su tại tỉnh Gia Lai”.

2. Mục tiêu nghiên cứu: (i) Hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan đến phát triển sản xuất cây cao su; (ii) Phân tích thực trạng phát triển cây cao su tại tỉnh Gia Lai trong thời gian qua, chỉ ra những thành công, hạn chế trong phát triển cây cao su tại tỉnh Gia Lai; (iii) Đề xuất giải pháp để phát triển cây cao su tại tỉnh Gia Lai trong thời gian đến.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a) Đối tượng nghiên cứu là phát triển cây cao su.

b) Phạm vi nghiên cứu :

+ Nội dung đề tài tập trung nghiên cứu các giải pháp kinh tế để phát triển cây cao su tại tỉnh Gia Lai.

+ Không gian : các nội dung được nghiên cứu tại tỉnh Gia Lai

+ Thời gian: từ 2007 tới nay

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu đề tài sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp phân tổ thống kê để đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến kết quả và hiệu quả sản xuất, kinh doanh cây cao su.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn được chia làm 3 chương như sau:

Chương 1 : Cơ sở lý luận về phát triển cây cao su

Chương 2 : Thực trạng phát triển cây cao su tại tỉnh Gia Lai

Chương 3 : Một số giải pháp nhằm phát triển cây cao su tại tỉnh Gia Lai thời gian tới

6. Tổng quan nghiên cứu đề tài

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU

1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU

1.1.1. Cây cao su và đặc điểm của cây cao su

Cây cao su có nguồn gốc từ Brazil, mọc hoang dại ở vùng Amazon, thân cao khoảng 25 mét, rễ ăn sâu để giữ vững thân hấp thu chất dinh dưỡng và chống lại sự khô hạn. Cây có vỏ nhẵn màu nâu nhạt, lá thuộc dạng lá kép mỗi năm rụng một lần và thời gian cây sống khoảng 40 năm. Trong sản xuất người ta trồng cây cao su với mật độ từ 400-571 cây/ha, chia làm 2 thời kỳ:

- *Thời kỳ kiến thiết cơ bản (KTCB)*

- *Thời kỳ kinh doanh (TKKD)*

Đặc điểm của cây trồng này về yêu cầu khá khắt khe với các tiêu chuẩn nhất định về: đất đai, độ dốc, độ sâu của tầng đất, khí hậu nhiệt độ....

1.1.2. Vai trò của phát triển sản xuất cây cao su

Cây cao su không chỉ có vai trò lớn với sự phát triển kinh tế mà cả với sự phát triển xã hội. Nó đã đóng góp vào tạo ra nhiều sản lượng hơn, tạo ra tích lũy vốn, nâng cao kỹ thuật, tạo ra việc làm và thu nhập cho lao động.

1.2. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU

Phát triển cây cao su có thể được hiểu đồng nghĩa với việc phát triển sản xuất cây cao su. Theo nghĩa như vậy thì phát triển cây cao su là quá trình vận động đi lên không ngừng theo hướng hoàn thiện hơn của hoạt động sản xuất cao su về mọi mặt. Dựa trên cơ sở khái niệm phát triển cây cao su thì nội dung phát triển cây cao su bao hàm cả sự biến đổi về số lượng và chất lượng, với các nội dung cụ thể như sau.

1.2.1. Gia tăng sản lượng và diện tích cây cao su

Phát triển cây cao su trước hết là quá trình tăng lên về sản lượng cao su được sản xuất ra. Kết quả này phản ánh năng lực sản xuất cao su của một địa phương hay thể hiện sự gia tăng quy mô sản xuất cao su. Sự gia tăng sản lượng nhờ sự gia tăng không gian sản xuất, nguồn lực huy động vào và năng suất cây cao su. Hai hướng gia tăng sản lượng này gắn với xu hướng tăng năng lực sản xuất theo chiều rộng và chiều sâu.

Sản xuất cây cao su là hoạt động sản xuất nông nghiệp với đặc điểm rất cơ bản của quá trình này là hoạt động gắn liền với đất và diễn ra trên đất nên gia tăng sản lượng cao su phải bắt đầu từ khai thác diện tích đất canh tác cao su phù hợp.

Sự gia tăng quy mô sản xuất cao su thể hiện ở quy mô diện tích trồng cây cao su cũng như số lượng và quy mô các nhà sản xuất cao su và cuối cùng thể hiện ở mức sản lượng cao su sản xuất ra cũng như giá trị sản lượng. Diện tích gieo trồng tăng lên những điều này gặp giới hạn về đất đai và quy luật hiệu suất giảm dần theo quy mô do đó đến mức nào phải trú trọng hơn tới phát triển về chất tức tăng năng suất cây trồng.

Gia tăng diện tích cây cao su phải huy động và sử dụng quỹ đất hiện có của địa phương hay vùng một cách hợp lý vào phát triển cây cao su. Huy động và sử dụng quỹ đất hiện có một cách hợp lý là lựa chọn những diện tích có đủ điều kiện, thích hợp với cây cao su và trên cơ sở quy hoạch tổng thể của vùng địa phương hạn chế cao nhất tình trạng phát triển tự phát cây cao su nhất là cao su tiểu phá vỡ quy hoạch hiện nay.

1.2.2. Huy động và sử dụng nguồn lực phát triển cao su

Gia tăng quy mô sản xuất cao su đòi hỏi phải gia tăng và đầu tư thêm nguồn lực cho sản xuất cao su. Trước hết là tăng thêm diện tích đất để phát triển trồng cao su tuy nhiên tăng diện tích gieo trồng tăng lên những điều này gặp giới hạn về đất đai và quy luật hiệu suất giảm dần theo quy mô do đó đến mức nào phải chú trọng hơn tới phát triển về chất tức tăng năng suất cây trồng. Tiếp đó, từ việc mở rộng diện tích cùng với nó sẽ kèm theo các khoản đầu tư về vốn, lao động, hạ tầng cơ sở như thủy lợi, giao thông, kho chứa ... Cụ thể:

Thứ nhất, Gia tăng số lượng, trình độ người lao động: Lao động là hoạt động có mục đích của con người thông qua công cụ lao động tác động lên đối tượng lao động. Lao động đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sản xuất cao su vì cây cao su là cây trồng lâu năm đòi hỏi phải có đủ nguồn lao động am hiểu về khoa học kỹ thuật.

Thứ hai, Gia tăng vốn đầu tư: Trong sản xuất cây cao su, vốn đóng vai trò hết sức quan trọng, thiếu vốn cây cao su sẽ chậm lớn, sản lượng mủ ít. Mặt khác do cây cao su có chu kỳ sống dài trên 30 năm, đòi hỏi vốn đầu tư ban đầu lớn, thời gian đầu tư ban đầu (Kiến thiết cơ bản) kéo dài nhiều năm (từ 7 - 8 năm) cho nên tất cả các khâu trong công tác trồng phải được chuẩn bị chu đáo và triển khai đúng quy trình.

1.2.3. Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm cây cao su

Năng suất cây cao su phản ánh mức sản lượng cao su trên mỗi đơn vị diện tích gieo trồng. Năng suất cây cao su chịu ảnh hưởng từ nhiều nhân tố như chất lượng đất, thời tiết, giống và kỹ thuật canh tác chăm bón và thu hoạch.

Nâng cao năng suất cây cao su là quá trình không ngừng áp dụng kỹ thuật và công nghệ để cây cao su có thể phát triển sinh

trường tốt trong điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của vùng sản xuất và cho sản phẩm ngày càng tăng về năng suất và bảo đảm các tiêu chuẩn sản phẩm tốt nhất đáp ứng được nhu cầu thị trường. Tiếp đó nâng cao năng suất cao su đòi hỏi không ngừng áp dụng các biện pháp kỹ thuật và công nghệ trong trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm.

Phát triển cao su còn đòi hỏi mở rộng từ trồng trọt sang chế biến đặc biệt là chế biến sâu cho ra những sản phẩm cao su có hàm lượng công nghệ cao đạt tiêu chuẩn kỹ thuật cao và khắt khe. Chỉ có như vậy mới bảo đảm sự phát triển bền vững cây cao su.

Điều có ý nghĩa quyết định trong phát triển về chất lượng cây cao su là chất lượng của lao động tham gia sản xuất cao su. Vì muốn áp dụng kỹ thuật và công nghệ mới trong tất cả các công đoạn sản xuất cao su đều đòi hỏi người lao động phải được đào tạo và có trình độ nhất định, nếu không sẽ khiến chất lượng sản phẩm không đảm bảo.

1.2.4. Nâng cao trình độ kỹ thuật và tổ chức sản xuất cây cao su

Nâng cao trình độ kỹ thuật và công nghệ sản xuất cao su là khâu quyết định để phát triển cây cao su. Việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất cây cao su cho phép tăng năng suất nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển bền vững cây trồng này. Sự phát triển của cây công nghiệp theo lý thuyết phát triển không chỉ đơn giản chỉ bằng phát triển theo chiều rộng để tăng quy mô sản xuất nông nghiệp. Sản xuất cao su cũng vậy không chỉ dựa vào phát triển theo quy mô. Theo mô hình hàm sản xuất trong kinh tế phát triển thì phát triển nông nghiệp nói chung và cây cao su nói riêng là quá trình

không ngừng nâng cao năng suất cây trồng và hiệu quả sản xuất thể hiện qua thay đổi hàm sản xuất nhờ tiến bộ công nghệ.

- Hộ sản xuất cao su:
- Trang trại cao su:
- Công ty cao su:

1.2.5. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm cây cao su

Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm cây cao su là quá trình mở rộng quy mô khách hàng cũng như sản lượng và giá trị sản phẩm cây cao su trên thị trường. Quá trình này cũng là quá trình chiếm lĩnh thị trường bảo đảm và tăng dần thị phần của các nhà sản xuất cao su bằng nhiều biện pháp khác nhau.

Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm cây cao su đòi hỏi phải (i) có được các sản phẩm cao su có chất lượng cao, phong phú về chủng loại...; (ii) có giá cả cạnh tranh; (iii) hình thành một hệ thống kênh thu mua và phân phối sản phẩm được tổ chức tốt và có hiệu quả đi liền với công tác marketing tốt.

Thông thường các kênh thu mua và phân phối ở Việt Nam tổ chức tự phát và rất đơn giản, thiếu tính chuyên nghiệp và tổ chức bài bản. Do đó đã hạn chế rất nhiều tới khâu tiêu thụ sản phẩm. Nhưng cũng phải thấy rằng sản phẩm cao su của Việt Nam chủ yếu là mủ cao su mới qua sơ chế hay dạng thô. Nhược điểm lớn này khiến khâu tiêu thụ sản phẩm phụ thuộc rất nhiều vào thị trường thế giới và tác động mạnh tới khâu sản xuất.

Tiêu chí phân ánh

- Doanh thu và mức tăng doanh thu của sản phẩm cao su;
- Thị phần và mức tăng thị phần của sản phẩm cao su trên thị trường;
- Số các nhà phân phối tham gia vào;

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU

1.3.1. Điều kiện tự nhiên

Các nhân tố tự nhiên là tiền đề cơ bản để phát triển và phân bố nông nghiệp. Mỗi loại cây trồng, vật nuôi chỉ có thể sinh trưởng và phát triển trong những điều kiện tự nhiên nhất định. Các điều kiện tự nhiên quan trọng hàng đầu là đất, nước và khí hậu. Chúng sẽ quyết định khả năng nuôi trồng các loại cây, con cụ thể trên từng lãnh thổ, khả năng áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp, đồng thời có ảnh hưởng lớn đến năng suất cây trồng, vật nuôi.

1.3.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Điều kiện kinh tế - xã hội tác động mạnh mẽ tới sự phát triển sản xuất cây cao su, phát triển sản xuất cây cao su cũng không thể tách rời khỏi điều kiện kinh tế - xã hội mà nó lại phụ thuộc rất lớn vào điều kiện kinh tế - xã hội, đó là sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Do đó, với nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao sẽ giúp các ngành công nghiệp sản xuất, đặc biệt là ngành sản xuất ô tô tăng mạnh kéo theo sự tăng trưởng của các ngành phụ thuộc, tạo điều kiện thuận lợi phát triển sản xuất cây cao su.

1.3.3. Các chính sách phát triển cây cao su của địa phương

Chính sách phát triển tác động lớn tới việc huy động và sử dụng nguồn lực cho phát triển cây công nghiệp này khi nó khơi thông và tạo điều kiện thuận lợi để nguồn lực tập trung cho phát triển khi chính sách được hoạch định đúng và phù hợp với thực tế. Ngược lại khi chính sách không phù hợp sẽ hạn chế rất nhiều tới quá trình phát triển này.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÂY CAO SU TẠI TỈNH GIA LAI THỜI GIAN QUA

2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI CỦA TỈNH GIA LAI ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU

2.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên

2.1.2. Đặc điểm về điều kiện kinh tế - xã hội

2.1.3. Các chính sách phát triển cây cao su của địa phương

Về quy hoạch

Chính sách đất đai

Chính sách vốn

Chính sách về thuế

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU TẠI TỈNH GIA LAI THỜI GIAN QUA

2.2.1. Tình hình gia tăng sản lượng và diện tích cây cao su

Bảng 2.1. Diện tích cây công nghiệp và tỷ trọng DT cao su của tỉnh

Gia Lai

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Trong đó %						
Cà phê-Coffee	63.9	62.2	58.7	58.2	57.0	56.7
Cao su- Rubber	32.2	33.9	37.3	37.6	38.4	38.5
Khác	3.9	3.9	4.0	4.2	4.6	4.7
Tổng số (ha)	118,784	121,912	128,756	130,306	131,492	132,699

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Gia Lai

Diện tích cây công nghiệp của tỉnh tăng liên tục qua các năm. Trong cơ cấu cây công nghiệp, chiếm tỷ trọng cao nhất là cây cà phê nhưng cây cao su có tỷ trọng tăng từ 32,2% năm 2006 lên 38,5% năm 2011, với xu thế này chứng tỏ tốc độ tăng trưởng diện tích cây cao su

nhanh hơn mức chung. Phân bố diện tích trồng cao su của tỉnh khá rộng hầu như trên các huyện đều có sản xuất cao su, có 11 huyện có trồng cao su trên 17 huyện của tỉnh. Tuy nhiên diện tích phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở 6 số huyện như Huyện Đức Cơ, Ia Grai, Chư Prông, Mang Yang, Chư Sê, chiếm khoảng khoảng trên dưới 90% diện tích.

Bảng 2.2. Diện tích trồng cao su phân theo huyện (ha)

Năm	2000	2006	2007	2008	2009	2010	2011
- Thành phố Pleiku	450	726	726	778	778	837	760
- Huyện Kbang	-	-	-	-		66	66
- Huyện Đăk Đoa		7,112	7,514	7,514	7,969	8,175	9659
- Huyện Chư Păh	2,965	3,747	4,231	4,237	4,547	4,626	4824
- Huyện Ia Grai	12,314	10,742	10,951	11,201	11,781	11,987	13197
- Huyện Mang Yang	6,229	755	1,240	1,292	2,334	2,577	2577
- Huyện Đức Cơ	15,190	16,050	16,230	16,560	18,034	18,628	20008
- Huyện Chư Prông	8,961	11,005	12,557	13,731	16,651	17,328	18828
- Huyện Chư Sê	9,703	8,165	8,490	8,490	11,125	12,225	7757
- Huyện Chư Pưh							5593
Tổng số-Total	55,812	58,301	61,939	63,803	73,219	76,449	83,269

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Gia Lai

Diện tích cao su phát triển nhanh ở tất cả các thành phần kinh tế, trong đó cao su quốc doanh có vai trò rất lớn trong việc chuyển giao kỹ thuật về giống, trồng, chăm sóc và chế biến cao su. Trên địa bàn đã hình thành được mạng lưới cao su đại điền phân bố rộng khắp trên các huyện trọng điểm cao su; đây là tiền đề quan trọng tạo điều kiện cho cao su tiểu điền dưới dạng nông hộ và trang trại cùng phát triển.

Bảng 2.3. Diện tích thu hoạch cao su phân theo huyện thuộc tỉnh (%)

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011
- Thành phố Pleiku	20.8	20.8	31.2	31.2	29.0	32.2
- Huyện Đăk Đoa	56.5	54.4	78.7	81.0	79.0	67.6
- Huyện Chư Păh	48.0	43.6	43.5	45.0	48.6	52.5
- Huyện Ia Grai	52.0	70.0	93.5	88.9	87.4	78.7
- Huyện Mang Yang	0.0	0.0	9.3	7.4	32.4	33.8
- Huyện Đứơc Cơ	95.5	94.6	99.3	92.4	89.4	84.2
- Huyện Chư Prông	51.2	51.4	52.6	43.4	43.5	40.8
- Huyện Chư Sê	70.8	68.1	68.1	52.0	49.5	54.1
Tổng số-Total	65.7	66.7	75.3	67.0	66.1	63.5

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Gia Lai

Tỷ lệ diện tích cao su thu hoạch của tỉnh dao động trong khoảng gần 70% tùy theo mức tăng diện tích trồng mới. Trong các huyện của tỉnh chỉ có Đứơc Cơ, Chư sê và Ia Grai có tỷ lệ cao hơn mức trung bình. Điều này chứng tỏ những huyện còn lại chủ yếu là diện tích trồng mới. Sản lượng mủ cao su của tỉnh tăng liên tục trong những năm qua cũng như ở các huyện do tăng trưởng diện tích các năm trước.

Bảng 2.4. Sản lượng mủ cao su phân theo huyện thuộc tỉnh (tấn)

Năm	2000	2006	2007	2008	2009	2010	2011
- Thành phố Pleiku	-	556	561	914	931	964	988
- Huyện Đăk Đoa		16,036	17,361	19,526	21,952	24,720	24113
- Huyện Chư Păh	4,080	5,937	6,089	6,699	7,570	8,558	10039
- Huyện Ia Grai	285	25,131	29,103	32,845	40,794	43,213	47291
- Huyện Mang Yang	5,687	-	-	396	617	3,165	3348
- Huyện Đứơc Cơ	17,399	70,848	77,913	78,665	81,892	82,392	88438
- Huyện Chư Prông	9,388	26,863	23,447	28,595	30,498	33,617	34214
- Huyện Chư Sê	11,840	26,704	26,697	27,086	27,657	28,974	20073
Tổng số	48,679	172,074	181,170	194,726	211,912	225,603	228,505

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Gia Lai

Mức gia tăng sản lượng trên bảng 2.4 cho thấy về cơ bản xu hướng giống với xu hướng tăng diện tích, các huyện như Chư Sê, Đức Cơ và Ia Grai tăng nhanh nhất.

Như vậy về quy mô sản lượng và diện tích sản xuất cao su đã có sự gia tăng khá nhanh trong những năm qua. Bây giờ chúng ta sẽ xem xét việc huy động nguồn lực để phát triển về số lượng.

2.2.2. Tình hình huy động và sử dụng nguồn lực để phát triển cây cao su

Về đất đai

Bảng 2.5: Kết quả đánh giá thích nghi đất đai, tỉnh Gia Lai

Loại hình Sử dụng đất	Mức độ thích nghi				
	Tổng	S ₁	S ₂	S ₃	N
Cao su	770.072	102.348	242.074	39.281	386.322
Cà phê chè	770.072	16.992	26.667	87.648	638.762
Cà phê vối	770.072	27.862	98.702	8.065	635.442
Điều	770.072	112.759	241.222	97.150	318.941
Tiêu	770.072	9.480	12.800	38.500	709.292
Chè	770.072	28.153	102.393	177.926	461.600

Với cơ cấu nhóm đất phù hợp nhất với phát triển cao su loại S1 (bảng 2.5) và thích hợp S2 với tổng diện tích là khoảng 344 ngàn ha chiếm 44% tổng diện tích đất tự nhiên có khả năng khai thác phát triển nông nghiệp. Điều này cho thấy tiềm năng để đất đai để phát triển cao su rất lớn. Nếu so với diện tích cao su. Xét cả 3 điều kiện trên cho thấy khả năng chuyển đổi đất nông nghiệp kém hiệu quả sang trồng cao su bảng 2.6.

Bảng 2.6: Hiện trạng vùng đất nông nghiệp kém hiệu quả chuyển đổi sang trồng cao su

TOÀN TỈNH	Tổng cộng diện tích đất tự nhiên (ha)	Trong đó (ha)		D.tích có khả năng trồng cao su (ha)
		Đất trống; Hoang hóa (ha)	Màu, CNNN Nương rẫy (ha)	
	25.210	5.237	19.973	19.392

Nguồn: Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Gia Lai đến năm 2020

Như vậy diện tích có khả năng trồng cao su là 19,3 ngàn ha từ đất nông nghiệp kém hiệu quả.

Tóm lại, việc huy động nguồn lực đất đai vào phát triển cây cao su trong những năm qua, tuy nhiên tiềm năng đất đai cho phát triển còn lớn nhưng cũng cần phải có chính sách huy động hợp lý để phát triển cây cao su một cách bền vững.

Lao động: Sản xuất cao su thu hút một phần rất lớn lao động vào làm việc; hiện tại lao động trong ngành sản xuất cao su chiếm 11,2% trong tổng lao động nông lâm nghiệp của cả tỉnh, tương lai sẽ có khả năng thu hút 40.000 lao động, tương đương khoảng 8.000 hộ gia đình. Nếu tính cả số lao động có việc làm gián tiếp từ phát triển sản xuất cao su khoảng hàng chục ngàn thì tác động tới tạo việc làm là khá lớn. Đây chứng tỏ ngành kinh tế quan trọng để tạo việc làm cho người lao động đặc biệt đối với vùng sâu vùng xa vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nơi mà công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ còn kém phát triển.

Huy động vốn: Trong những năm qua lượng vốn thu hút đầu tư vào phát triển cao su khá lớn, Tổng vốn đầu tư đăng ký là 4.983,4 tỷ đồng, trong đó đầu tư CSHT vùng dự án là 180,02 tỷ đồng. Các doanh nghiệp đã đầu tư 153,3 tỷ đồng/180,02 tỷ đồng xây dựng CSHT, đạt 85,2% kế hoạch góp phần ổn định đời sống và sinh hoạt của công nhân công ty như: nhà làm việc, nhà ở công nhân, nhà trẻ,

nhà mẫu giáo, hệ thống điện, nước sinh hoạt... xây dựng 81,8km đường giao thông phục vụ vùng dự án và nhân dân trên địa bàn.

2.2.3. Thực trạng năng suất và chất lượng sản phẩm của cây cao su

Về năng suất cao su

Bảng 2.7. Năng suất cao su ở tỉnh Gia Lai (tấn mủ nước/ha)

Năm	2000	2006	2007	2008	2009	2010	2011
NS cao su (tấn/ha)		2.95	2.92	3.05	2.89	2.95	2.94
NS CS cho thu hoạch (tấn /ha)		4.49	4.38	4.05	4.32	4.47	4.64
Tổng DT cao su đã trồng (ha)	55,812	58,301	61,939	63,803	73,219	76,383	77,610
Tổng DT đã cho thu hoạch (ha)		38297	41337	48042	49050	50517	49295
Tổng số sản lượng (tấn)	48,679	172,074	181,170	194,726	211,912	225,603	228,505

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Gia Lai

Số liệu bảng 2.7 cho thấy năng suất cao su ở tỉnh Gia Lai khá cao.

Bảng 2.8 Năng suất cao su theo diện tích đã cho thu hoạch (tấn/ha)

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011
- Thành phố Pleiku	3.68	3.72	3.76	3.83	3.97	4.03
- Huyện Đăk Đoa	3.99	4.25	3.30	3.40	3.83	3.69
- Huyện Chư Păh	3.30	3.30	3.63	3.70	3.80	3.96
- Huyện Ia Grai	4.50	3.79	3.14	3.89	4.12	4.55
- Huyện Mang Yang			3.30	3.59	3.79	3.85
- Huyện Đứk Cơ	4.62	5.08	4.79	4.92	4.95	5.25
- Huyện Chư Prông	4.77	3.63	3.96	4.22	4.45	4.46
- Huyện Chư Sê	4.62	4.62	4.69	4.79	4.79	4.79
Năng suất chung	4.49	4.38	4.05	4.32	4.47	4.64

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Gia Lai

Về chất lượng sản phẩm cao su của tỉnh

Chất lượng giống cao su

Giống cao su hiện có rất nhiều loại, tuy nhiên không nhất thiết phải trồng tất cả các giống cao su có năng suất mủ cao trên tất cả các loại đất, mà tùy tình hình chất lượng đất đai để lựa chọn quyết định giống cao su thích hợp, nhằm giảm thiểu chi phí đầu tư mà vẫn cho hiệu quả kinh tế cao.

Do chất lượng giống cây trồng khác nhau và nhiều giống chưa phù hợp với địa phương nên chất lượng mủ cao su của Gia Lai mới ở mức độ vừa phải thể hiện qua giá thu mua trong những năm gần đây thường thấp hơn so với khu vực Miền Đông nam bộ. Nhất là với sản phẩm của các hộ nông dân hay đồng bào canh tác tiểu điền. Ngoài ra chất lượng thấp còn do khâu khai thác chưa thực sự tốt còn để tấp chất nhiều hay chưa đúng thời điểm...

2.2.4. Thực trạng về kỹ thuật và tổ chức sản xuất cây cao su

Về kỹ thuật chăm sóc và khai thác mủ cao su

Người sản xuất phải thực hiện tốt chỉ đạo kỹ thuật về cơ cấu giống và quy chế về quản lý giống cao su, triển khai sớm và đưa nhanh các giống mới. Phải căn cứ vào điều kiện tự nhiên phải thanh lọc giống trước khi trồng để tránh trồng sai giống, kiên quyết không trồng giống RRIV4, PB260 và những giống chịu lạnh kém.

Về công nghệ chế biến và chất lượng sản phẩm

Gia Lai hiện có 7 nhà máy sơ chế mủ cao su, tổng công suất thiết kế 41.000 tấn/năm; năm 2008 sản xuất được 35.000 tấn; sản phẩm chủ yếu là cao su mủ cốm SVR 3L, 5 và một ít mủ tấp SVR 10, 20. Thiết bị của các nhà máy chế biến hầu hết nhập từ Malaixia, được đánh giá ở mức trung bình tiên tiến; riêng dây chuyền chế biến mủ Latex khá hiện đại.

Sản phẩm chế biến mủ cao su ở Gia Lai chủng loại không nhiều và chưa có chứng chỉ ISO (riêng chỉ có nhà máy chế biến mủ cao su Chư sê đã có chứng chỉ ISO 9001), do vậy phần lớn cao su Gia Lai chỉ xuất khẩu sang Trung Quốc với giá thấp hơn nhiều so với xuất khẩu sang các nước EU, Mỹ, Nhật.

Về tổ chức sản xuất

Tổ chức sản xuất cao su ở tỉnh Gia Lai hiện nay có 3 hình thức chính, hộ gia đình, trang trại và doanh nghiệp. Số liệu Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011 của TCTK cho thấy hiện nay có 563 trang trại trồng cao su, hơn 15 ngàn hộ và 38 doanh nghiệp tham gia sản xuất cây cao su ở các hình thức khác nhau.

2.2.5. Thực trạng về thị trường tiêu thụ sản phẩm cây cao su

Tình hình này do nhiều nguyên nhân khác nhau như sự phát triển cây cao su quá nhanh vượt xa và phá vỡ quy hoạch khiến nguồn cung quá cao trong khi thị trường biến động nhiều. Sự phát triển của công nghiệp chế biến không theo kịp cộng với hệ thống tiêu thụ sản phẩm còn nhiều nhược điểm. Hiện nay mô hình tiêu thụ sản phẩm cao su như sau:

a. Hộ trồng cao su-Thương lái-Xuất khẩu

b. Hộ trồng cao su-Thương lái-Cơ sở chế biến-Xuất khẩu

c. Hộ trồng cao su-Cơ sở chế biến- Xuất khẩu

Với các mô hình tiêu thụ như trên cho thấy sản phẩm cao su chủ yếu được thu mua gom lại và xuất khẩu là chính. Tỷ lệ tiêu thụ trên thị trường nội tỉnh rất thấp không đáng kể vì hệ thống chế biến cao su phần lớn là sơ chế để xuất khẩu, chưa có cơ sở chế biến sâu cho ra những sản phẩm cuối cùng.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU TẠI TỈNH GIA LAI

3.1. CƠ SỞ CỦA VIỆC XÂY GIẢI PHÁP

3.1.1. Nhu cầu về sản phẩm cây cao su

Tổ chức Nghiên cứu cao su Quốc tế (IRSG) và Công ty LMC International Ltd Luân Đôn đã thực hiện các nghiên cứu, phân tích và dự báo sản lượng cao su thiên nhiên thế giới đến năm 2035; Trong đó dự đoán sản lượng của các nước sản xuất cao su thiên nhiên hàng đầu thế giới như sau:

Bảng 3.1. Dự báo sản lượng cao su thiên nhiên các nước hàng đầu

ĐVT: 1000 tấn

Các nước	2015	2020	2025	2030	2035
Thái lan	3.163	3.306	3.446	3.645	3.825
Indonesia	2.625	3.425	3.775	4.400	4.975
Malaysia	1.057	1.000	898	801	693
Ấn độ	918	998	1.089	1.173	1.268
Trung quốc	709	774	843	917	996
Việt Nam	634	728	827	936	1.054
Tổng cộng	9.106	10.231	10.878	11.872	12.811

Nguồn: LMC International and Forest, 5/2005 (Rubber Eco Project of IRSG)

3.1.2. Chiến lược phát triển nông nghiệp của tỉnh Gia Lai

3.2. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU

3.2.1. Hoàn thiện các chính sách phát triển cây cao su

a. Hoàn thiện và quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch phát triển cây cao su

Hoàn thiện quy hoạch phát triển cây cao su của tỉnh theo hướng chuyên môn hóa. Trước tiên phải khai thác và bổ sung cơ sở dữ liệu về điều kiện tự nhiên thổ nhưỡng ở mỗi vùng đã được Viện

QH & TKNN Việt Nam với Đại học LEUVEN (Vương quốc Bỉ) thực hiện khảo sát. Đây là căn cứ xây dựng quy hoạch và đồng thời phải tính toán đầy đủ các điều kiện thực hiện.

Bảng 3.1. Bố trí diện tích phát triển cao su tới năm 2012 của tỉnh GL

Các huyện Trong tỉnh	DT 2010	Quy hoạch từ 2011- 2020			TỔNG CỘNG
		+	Đại điền	Tiểu điền	
H.Đức Cơ	17588	3242	1242	2000	20830
H.Ia Grai	12127	3850	965	2885	15977
H.Chư Prông	18410	18678	15825	2853	37088
H. Chư Sê	10583	5681	3590	2091	16264
H.Phú Thiện	0	1750	1250	500	1750
TX.Ayun Pa	0	901	601	300	901
H.Ia Pa	1199	2318	1309	1009	3517
H. Krông Pa	0	2238	1938	300	2238
H.Đắk Đoa	8727	3085	600	2485	11812
H.Măng Yang	3257	4276	2712	1564	7533
H. Kbang	63	5026	3477	1549	5089
Chư Pah	4464	1609	0	1609	6073
Tp. Plei Ku	803	247	0	247	1050
TỔNG CỘNG	77.221	52.901	33.509	19.392	130.122

Với phương án bố trí phát triển cây cao su như trên, để đảm bảo thực hiện cần phải quan tâm quản lý tốt việc thực hiện của các doanh nghiệp đang triển khai các dự án lớn.

Kết hợp với tình hình cụ thể của tỉnh về tự nhiên kinh tế xã hội có thể khẳng định. Địa bàn các . Việc thực hiện quy hoạch phát triển của tỉnh cần được đảm bảo bố trí các yếu tố và điều kiện sản xuất khác

để thực hiện phân bố sản xuất trên. Trước tiên phải điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phù hợp với yêu cầu quy hoạch phát triển cây cao su trên. Trong quy hoạch này chỉ bố trí diện tích tăng thêm theo quy hoạch phát triển mà không bố trí ngoài vùng chuyên canh tập trung. Quy hoạch chỉ được bảo đảm khi thực hiện đồng bộ các chính sách khác nhằm thúc đẩy sự phát triển cây công nghiệp này.

b. Thực hiện tốt chính sách đất đai

- Tăng cường quản lý nhà nước về đất đai theo luật để kiểm soát các biến động về đất đai. Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được tạo điều kiện thuận lợi để thuê đất trồng cao su cũng như xây dựng cơ sở chế biến.

- Những vùng đất canh tác cao su chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cần tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài theo đúng quy định hiện hành cho người dân trong vùng quy hoạch để tạo điều kiện cho người dân trong việc vay vốn ngân hàng đầu tư sản xuất và tạo điều kiện cho nông dân yên tâm đầu tư phát triển sản xuất.

- Các tổ chức, cá nhân không phải nông dân có quyền được thuê đất để tổ chức sản xuất nông - lâm nghiệp. Thời hạn và diện tích được thuê đất tùy thuộc vào vị trí, mục đích và quy mô sử dụng đất.

c. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực phát triển cao su

Việc cải cách hành chính ở tỉnh Gia Lai nói chung và lĩnh vực phát triển cây cao su nói riêng trong những tương lai đi theo hướng làm cho bộ máy hành chính hoàn bị hơn, hoạt động có hiệu quả hơn, phục vụ phát triển cây công nghiệp này ngày một đúng pháp luật, tốt hơn và tiết kiệm nhất, dần từng bước chuyển nền hành chính từ cơ quan cai quản thành các cơ quan phục vụ dân, làm các dịch vụ hành

chính đối với dân, công dân là khách hàng của nền hành chính, là người đánh giá khách quan nhất về mọi hoạt động của bộ máy nhà nước, bộ máy hành chính.

3.2.2. Tăng cường các nguồn lực phát triển cây cao su

a. Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư phát triển cây cao su

Về thu hút vốn: đẩy mạnh cổ phần hóa, có chính sách khuyến khích đầu tư nhằm thu hút nguồn vốn từ các thành phần kinh tế và huy động nguồn vốn trong dân.

Các doanh nghiệp trồng và chế biến cao su thuộc mọi thành phần kinh tế được ưu tiên vay vốn từ các nguồn tín dụng ưu đãi của Nhà nước để trồng, cũng như đầu tư trang bị và đổi mới công nghệ thiết bị.

Các hộ nông dân và các doanh nghiệp trồng và chế biến cao su được vay vốn từ các chương trình hỗ trợ phát triển cây trồng, vật nuôi, trồng rừng và từ các nguồn vốn ưu đãi khác để sản xuất nguyên liệu.

b. Tăng cường lao động có chất lượng để phát triển cây cao su

Với nguồn lao động của địa phương, khuyến khích các doanh nghiệp tổ chức và trang trại sử dụng lao động địa phương vào sản xuất cây cao su. Nhưng muốn vậy phải trú trọng công tác đào tạo nghề cho lao động. Do đó cần đẩy mạnh công tác đào tạo nghề

Tăng cường công tác đào tạo cho lao động

c. Tăng cường phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển cây cao su

Khoa học - công nghệ là một nhân tố hết sức quan trọng và không thể thiếu được trong phát triển sản xuất. Yếu tố cơ bản nhất để tăng năng suất lao động là cải tiến kỹ thuật, áp dụng những thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến vào sản xuất. Vì vậy, phải tăng cường

phát triển khoa học - công nghệ trong việc thúc đẩy nhanh và bền vững quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng.

3.2.3. Hoàn thiện tổ chức sản xuất cây cao su

Hoàn thiện tổ chức sản xuất cây cao su sẽ bảo đảm cho thành công phát triển cây trồng này. Với những yếu kém lớn trong tổ chức sản xuất của các hộ kinh doanh, trang trại hay công ty tới mối liên kết tổ chức sản xuất của chúng hiện nay trên địa bàn càng tăng tính cấp thiết của vấn đề.

Trước hết cần phải hoàn thiện tổ chức sản xuất của các hộ gia đình.

Kinh tế trang trại cần chú trọng phát huy và tập trung vào mô hình chuyên canh cây công nghiệp.

Đẩy nhanh áp dụng mô hình 4 nhà “ nhà nước, nhà nông - người sản xuất cây công nghiệp lâu năm, nhà khoa học và nhà doanh nghiệp” trên địa bàn huyện.

3.2.4. Mở rộng thị trường tiêu thụ

Với việc tiêu thụ sản phẩm

Bảo đảm cho việc tiêu thụ sản phẩm cây cao su một cách chủ động hạn chế tình trạng thị trường biến động do tư thương chi phối hiện nay cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa doanh nghiệp kinh doanh chế biến xuất khẩu và người sản xuất theo hợp đồng bảo đảm và có sự giám sát của chính quyền để giảm dần việc xuất khẩu sản phẩm chưa qua chế biến. Đồng thời bảo đảm lợi ích cho người sản xuất và doanh nghiệp.

Ngoài ra việc tiêu thụ sản phẩm này còn cần phải được kết hợp với việc bảo đảm nguồn vốn.

3.2.5. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng

Hệ thống giao thông

(1) Mở rộng, nâng cấp các tuyến trục giao thông lớn kết nối với các tỉnh lân cận trong tỉnh và vùng Tây Nguyên cũng như ngoài vùng Tây Nguyên nhằm gia tăng giao lưu kinh tế, xã hội giữa các địa phương.

(2) Từng bước hoàn thiện, nâng cấp hệ thống giao thông đồng bộ; hiện đại, liên hoàn, thông suốt, quy mô phù hợp với từng vùng, từng địa phương trên địa bàn tỉnh theo tiêu chuẩn kỹ thuật từng loại đường.

(3) Nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn kỹ thuật, đồng bộ với kết cấu kỹ thuật hạ tầng khác, gắn kết liên thông với tỉnh lân cận.

(4) Phát triển nâng cấp mạng lưới đường giao thông nông thôn đến các vùng cao, vùng sâu, đảm bảo thông suốt tới các điểm dân cư trong tỉnh.

Hệ thống hạ tầng thủy lợi

(1) Phải phân chia các vùng để cung cấp nước và thoát nước dựa vào các đặc điểm về điều kiện tự nhiên: địa hình, đất đai, khí hậu thủy văn, mạng lưới sông ngòi, ranh giới hành chính như các xã trong quy hoạch.

(2) Kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý thủy lợi; quản lý tốt hệ thống công trình, chuyển giao dần cho các tổ chức nông dân quản lý các công trình nhỏ.

(3) Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ công nghệ thủy lợi trong điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên nước phục vụ cho nghiên cứu qui hoạch, lập dự án, đánh giá tác động môi trường...

KẾT LUẬN

Qua quá trình thực hiện đề tài “*Phát triển cây cao su tại tỉnh Gia Lai*” chúng tôi đưa ra một số kết luận sau:

Phát triển cây cao su trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết và đảm bảo hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, đồng thời góp phần tăng cường an ninh quốc phòng, đặc biệt là vùng biên giới, cụ thể:

✚ Về mặt hiệu quả kinh tế

Giá trị sử dụng đất trên một đơn vị diện tích cao hơn gấp 3 lần so với kinh doanh rừng sản xuất; thu nhập thuần tính trên 01 ha cao gấp 3 lần so với trồng điều, cây màu và cây công nghiệp hàng năm cao; Giá trị thu nhập trên 01 lao động trồng cao su cao gấp 2 lần so với trồng trồng điều, cây màu và cây công nghiệp hàng năm;

Đẩy mạnh phát triển cao su là có cơ sở cả về mặt giá cả, thị trường cũng như các chủ trương đầu tư của Nhà nước. Là cây trồng được các doanh nghiệp, các nông hộ hưởng ứng mạnh mẽ và thực tiễn đang gia tăng diện tích rất nhanh ở hầu hết các loại hình tổ chức sản xuất, như: doanh nghiệp quốc doanh, ngoài quốc doanh, trang trại và các nông hộ.

✚ Về mặt xã hội

Sản xuất cao su đóng góp giải quyết một phần rất lớn về việc làm cho người lao động; hiện tại lao động trong ngành sản xuất cao su chiếm 11,2% trong tổng số 393.356 lao động nông lâm nghiệp của cả tỉnh, tương lai sẽ có khả năng thu hút 40.000 lao động, tương đương khoảng 8.000 hộ gia đình. Đây là vấn đề rất quan trọng để tạo việc làm cho người lao động đặc biệt đối với vùng sâu vùng xa vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

Cùng với cà phê, tiêu thì cao su là cây trồng không những giúp người dân xóa đói giảm nghèo mà còn là cây trồng giúp người sản xuất vươn lên làm giàu.

✚ Về mặt môi trường

Cao su là cây đa mục đích có thể sử dụng cho cả mục đích

nông nghiệp và lâm nghiệp; việc mở rộng diện tích trồng cao su trên các loại đất dốc (<300), kết hợp với việc xây dựng đồng ruộng, trồng và chăm sóc đúng yêu cầu kỹ thuật sẽ không làm ảnh hưởng đến việc bảo vệ đất chống xói mòn;

So với rừng nghèo, rừng khộp rụng lá một mùa, rừng cây bụi, thì trồng cao su tạo ra thảm thực vật thường xanh quanh năm, tán cây che phủ hầu hết mặt đất, tạo không khí mát mẻ; điều kiện chống cháy rừng, chống xói mòn cao hơn. Những dịch bệnh phổ biến đối với vùng sâu, vùng xa, như sốt rét, sốt xuất huyết giảm mạnh trong vùng đã được khai phá sang sản xuất nông nghiệp nói chung và trồng cao su nói riêng.

🚧 Về mặt an ninh quốc phòng

Hầu hết vùng dự kiến mở rộng diện tích trồng cao su thuộc địa bàn các huyện biên giới phía tây nam tỉnh Gia Lai; phát triển cao su sẽ tạo điều kiện gia tăng lực lượng lao động và các hộ dân cư cho vùng biên giới; góp phần kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng. Thực tế Binh đoàn 15 là đơn vị chủ lực trong việc mở rộng cao su vùng biên giới của tỉnh;

Xét về vị trí địa lý, phân bố dân cư và thảm thực vật hiện có đối với các vùng dự kiến mở rộng diện tích trồng cao su, cho thấy: hầu hết thuộc vùng sâu vùng xa, giao thông đi lại rất khó khăn, dân cư rất thưa thớt; do vậy mức độ khai khẩn đất đai vào mục đích phát triển sản xuất nông nghiệp ở đây trong các năm qua không lớn. Đất đai ở đây rất bằng phẳng (hầu hết <100), thảm thực vật chủ yếu chỉ là rừng khộp nghèo, rụng lá một mùa, hiệu quả kinh tế và môi trường đều thấp, nhưng trước đây chưa có cơ sở khoa học để định hướng sử dụng đất hợp lý (duy nhất chỉ có dự án đa mục tiêu về công trình thủy lợi Ia Mơ phát triển 8.000 ha lúa nước); do vậy chủ trương chuyển đổi đất lâm nghiệp ở vùng này sang trồng cao su là thích hợp, không những góp phần gia tăng hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, mà còn góp phần rất lớn trong việc tăng cường củng cố an ninh quốc phòng vùng biên giới.